TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Tuân

Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Tuấn Dũng.

2. Ông Đinh Thanh Hải.

3. Ông Nguyễn Hoàng Long.

- Thư ký phiên toà: Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 102/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Lăng Thị D; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 24 tháng 02 năm 1986; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công chức; Chức vụ: Kế toán tài chính xã; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Là đảng viên Đảng CSVN đã bị khai trừ ra khỏi Đảng tại quyết định số 97-QĐ/UBKT ngày 05/5/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy P, tỉnh Thái Nguyên; con ông Lăng Quang T; con bà Nông Thị N; có chồng là Đỗ Văn Q, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn Luật sư tỉnh T ***phân công***: Bà Hoàng Thị H – Luật sư Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh T. (có mặt)

Bị hại: UBND xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện: Ông Phạm Anh T1 – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã V. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hà Thị M, sinh năm 1958. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1952. (có mặt)
3. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982. (có mặt)
4. Chị Tống Thị X, sinh năm 1978. (có mặt)
5. Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1963. (vắng mặt)
6. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1956. (có mặt)
7. Ông Lục Văn H2, sinh năm 1966. (vắng mặt)
Đều trú tại: Xóm T, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
8. Anh Nguyễn Phi H3, sinh năm 1992. (có mặt)
9. Ông Bùi Văn B1, sinh năm 1963. (vắng mặt)
10. Anh Vũ Văn N1, sinh năm 1986. (có mặt)
11. Anh Hoàng Trung C, sinh năm 1985. (có mặt)
12. Anh Lê Bá T2, sinh năm 1973. (có mặt)
Đều trú tại: Xóm L, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
13. Anh Đỗ Văn T3, sinh năm 1971. (vắng mặt)
14. Anh Đặng Văn T4, sinh năm 1979. (có mặt)
15. Anh Bùi Văn H4, sinh năm 1976. (vắng mặt)
16. Ông Nguyễn Cảnh V, sinh năm 1964. (vắng mặt)
Đều trú tại: Xóm L, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
17. Anh Hoàng Công K, sinh năm 1978. (vắng mặt)
18. Ông Khổng Minh T5, sinh năm 1964. (có mặt)
19. Anh Hoàng Ca V1, sinh năm 1972. (có mặt)
Đều trú tại: Xóm T, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
20. Chị Lý Thị N2, sinh năm 1982. (có mặt)
21. Anh Hoàng Văn T6, sinh năm 1979.(vắng mặt)
22. Anh Hoàng Văn C1, sinh năm 1977. (vắng mặt)
23. Anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1983. (vắng mặt)
Đều trú tại: Xóm C, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
Người làm chứng: Anh Bàng Tiến T7, sinh năm 1992. (vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm P, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện chủ trương của Nhà nước về xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, triển khai thực hiện các dự án, công trình vốn xi măng thuộc các chương trình, mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện P, từ cuối năm 2021 và năm 2022, Ủy ban nhân dân xã V, huyện P đã tiến hành thông báo, triển khai tới các cơ sở thôn xóm về chương trình làm đường bê tông nông thôn được nhà nước hỗ trợ xi măng, các chi phí khác như vật tư, nhân công do nhân dân tự huy động đóng góp thực hiện. Theo đó, đã có các cơ sở thôn xóm thuộc xã V đăng ký làm đường bê tông nông thôn trong năm 2022 gồm: T, T, T, T, L, L, Liên Hồng 8, T, Thống Nhất 2, T, T, Cầu B và xóm Làng Huyện. Trên cơ sở đăng ký của các xóm,

UBND xã V đã tổng hợp danh sách báo cáo UBND huyện P, thuê đơn vị tư vấn thiết kế các tuyến đường và sau khi hoàn thành thủ tục thẩm định của Phòng kinh tế hạ tầng huyện, tháng 11, 12 năm 2022, UBND xã V ban hành các Quyết định phê duyệt dự toán cho 12 công trình để triển khai thực hiện. Khi triển khai, UBND xã V đã phân công cho công chức Tài chính - kế toán là Lăng Thị D (công tác tại UBND xã V từ 01/4/2022) thực hiện nhiệm vụ "*Tiếp nhận, theo dõi các khoản thu như. Các khoản đóng góp của nhân dân (Đối ứng xây dựng cơ sở hạ tầng, các khoản thu khác nếu có phát sinh) nộp vào Kho bạc nhà nước, theo dõi cụ thể từng công trình... "*. Đồng thời, Lăng Thị D cũng được phân công là ủy viên "Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã V, giai đoạn 2021-2025", được giao phụ trách kế toán và phụ trách thu chi Ngân sách và là thành viên của "Tổ giúp việc quản lý các Dự án do chủ đầu tư là UBND xã V trực tiếp thực hiện quản lý dự án". Khoảng tháng 5/2022, do biết trước chủ trương cho nộp tiền đối ứng lên UBND xã để đảm bảo nguồn vốn thực hiện công trình làm đường bê tông nông thôn được nhà nước hỗ trợ xi măng, ông Đỗ Văn T3 - Trưởng xóm L; ông Nguyễn Văn H1 - Trưởng xóm T, ông Nguyễn Đình Đ - Trưởng xóm T 3 đã tổ chức họp xóm thống nhất thu tiền nhân dân đóng góp và chủ động đến UBND xã Vô Tranh nộp tiền cho người được UBND xã giao nhiệm vụ thu tiền là Lăng Thị D. Vào thời điểm này, qua mạng xã hội Facebook, Lăng Thị D biết và tham gia đầu tư tiền tại một trang thương mại điện tử dưới hình thức chơi "FOREX" nhưng thua lỗ và phải vay nợ ngoài xã hội. D nảy sinh ý định chiếm đoạt nguồn tiền nhân dân đóng góp đối ứng làm đường bê tông cho UBND xã V để trả các khoản vay nợ ngoài xã hội và chi tiêu cá nhân. D là công chức kế toán nên đã biết quy định của Nhà nước là việc thu các loại quỹ, các khoản thu huy động đóng góp tại địa phương đều phải thu bằng "Biên lai thu tiền" theo mẫu do Phòng Tài chính - Kế hoạch UBND huyện P cấp hàng năm theo quy định tại Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ T8. Đồng thời sau khi tiếp nhận các khoản thu thì trong thời hạn 05 ngày sau khi tiếp nhận đóng góp của nhân dân thì phải làm thủ tục nộp tiền vào kho bạc nhà nước huyện P để đảm bảo cấp phát kịp thời cho đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Thông tư số 85/1999/TT-BTC ngày 07/7/1999 của Bộ T8. Để không bị cấp trên kiểm tra, phát hiện hành vi chiếm đoạt tiền của người dân đã giao nộp cho UBND xã, D đã mua quyển mẫu Phiếu thu tiền ở cửa hàng văn phòng phẩm, viết các "Phiếu thu" đưa cho người dân đến nộp tiền đối ứng làm đường, mặt khác cũng tránh việc phải kiểm kê báo cáo cuối năm, hoặc khi Lãnh đạo UBND xã kiểm tra việc nộp khoản tiền thu đối ứng vào kho bạc nhà nước huyện P thì D sẽ tìm lý do lảng tránh và nói sẽ báo cáo lại sau. Trong thời gian từ ngày 31/05/2022 đến ngày 03/01/2023, Lăng Thị D đã 25 lần tiếp nhận tiền đối ứng do người dân của các xóm có công trình làm đường bê tông được phê duyệt đến UBND xã V giao nộp và đều sử dụng mẫu "Phiếu thu" nêu trên, qua đó D đã tham ô, chiếm đoạt được tổng số tiền là: 1.390.500.000 đồng, của 25 hộ dân.

Cũng trong khoảng thời gian từ ngày 31/05/2022 đến ngày 03/01/2023, Chủ tịch UBND xã V là ông Phạm Anh T1 đã nhiều lần yêu cầu, đôn đốc Lăng

Thị D phải nộp khoản tiền thu đối ứng vào tài khoản của UBND xã tại kho bạc Nhà nước huyện P nhưng D đều lảng tránh và xin báo cáo sau. Đến ngày 09/3/2023, UBND xã V kiểm tra phát hiện sự việc nên đã yêu cầu Lăng Thị D tường trình, kiểm điểm và khắc phục, nộp lại số tiền đối ứng đã thu của nhân dân. Đến ngày 30/3/2023, D đã khắc phục, nộp lại được số tiền 736.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa khắc phục được là 654.500.000 đồng. Cùng ngày 30/3/2023, ông Phạm Anh T1 đã báo cáo sự việc của Lăng Thị D đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P để xem xét xử lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 113/CT – VKSTN-P1, ngày 28/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lăng Thị D về tội *"Tham ô tài sản"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện UBND xã V đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 654.500.000 đồng. Về hình phạt đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có đề nghị gì.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lăng Thị D phạm tội *"Tham ô tài sản"*.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo từ 14 đến 15 năm tù.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho UBND xã V số tiền: 1.390.500.000 đồng; bị cáo đã nộp: 736.000.000 đồng; còn phải bồi thường tiếp số tiền: 654.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, vỏ màu xanh đen, màn hình bị vỡ, hở màn hình.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo về tội "Tham ô tài sản", quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, Luật sư đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, sau khi vụ việc bị phát hiện đã nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định mức án phù hợp để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện đơn vị bị hại, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Lăng Thị D là công chức Tài chính - kế toán công tác tại Ủy ban nhân dân xã V từ 01/4/2022 và được Chủ tịch UBND xã V phân công thực hiện nhiệm vụ: "Tiếp nhận, theo dõi các khoản thu như: Các khoản đóng góp của nhân dân (Đối ứng xây dựng cơ sở hạ tầng) nộp vào kho bạc nhà nước, theo dõi cụ thể từng công trình...". Đồng thời, Lăng Thị D còn được phân công là Ủy viên "Ban quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia xã V, giai đoạn 2021 - 2025", được giao phụ trách kế toán và phụ trách thu chi Ngân sách và là thành viên của "Tổ giúp việc quản lý các Dự án do chủ đầu tư là UBND xã V trực tiếp thực hiện quản lý dự án". Năm 2022, Ủy ban nhân dân xã V, huyện P thực hiện triển khai công tác làm đường bê tông nông thôn được Nhà nước hỗ trợ xi măng cho các xóm trên địa bàn quản lý, các chi phí khác như vật tư, nhân công...do nhân dân mỗi xóm tự huy động đóng góp đối ứng để thực hiện. Quá trình thực hiện từ ngày 31/05/2022 đến ngày 03/01/2023, Lăng Thị D đã 25 lần tiếp nhận tổng số tiền 1.390.500.000đ là tiền nộp đối ứng của nhân dân 12 xóm có công trình làm đường bê tông nông thôn thuộc xã V bao gồm: Các xóm T, 2, 3, 4; xóm L 6, 7, 8; xóm T, 3, 4; xóm C và xóm Làng Huyện. Sau khi nhận tiền D đã không thực hiện nộp tiền vào tài khoản Kho bạc Nhà nước để quản lý theo quy định mà cố ý chiếm đoạt toàn bộ số tiền nêu trên để chi tiêu cá nhân, trả các khoản vay nợ ngoài xã hội. Đến ngày 09/3/2023, Ủy ban nhân dân xã V kiểm tra phát hiện sự việc phạm tội của Lăng Thị D. D đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền 736.000.000 đồng, số tiền chưa khắc phục là 654.500.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối bị cáo Lăng Thị D về tội *"Tham ô tài sản"* quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Nội dung Điều 353 Bộ luật hình sự quy định như sau:

"1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)....

b)…

2....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân, hoặc tử hình:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên";

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm …" .

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân, được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã nộp lại số tiền 736.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; quá trình công tác nhiều năm liền được Chủ tịch UBND xã V, huyện P tặng Giấy khen vì có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phạm tội 02 lần trở lên.

Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét thấy có căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị cáo bị truy tố cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, về hình phạt Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 1.390.500.000 đồng, bị cáo đã nộp 736.000.000 đồng; còn phải bồi thường tiếp số tiền 654.500.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự, cấm bị cáo đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội thời hạn từ 01 đến 02 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

[6]. Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen đã cũ hỏng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Trong vụ án này: Đối với ông Phạm Anh T1 là Chủ tịch UBND xã V, chủ tài khoản của UBND xã tại Kho bạc Nhà nước huyện P, quá trình điều tra, ông Phạm Anh T1 không biết D có hành vi chiếm đoạt số tiền thu đối ứng của nhân dân giao nộp, khi thực hiện nhiệm vụ ông T1 cũng đã nhiều lần kiểm tra, nhắc nhở, đôn đốc Lăng Thị D thực hiện việc thu, quản lý nguồn tiền theo đúng quy định, yêu cầu D chủ động báo cáo tình hình, kết quả việc thu tiền đối ứng làm đường bê tông của nhân dân nhưng D cố tình không báo cáo, che giấu hành vi của mình, sau đó bị ông Phạm Anh T1 và Lãnh đạo của UBND xã phát hiện sai phạm, đã đôn đốc Lăng Thị D nộp khắc phục hậu quả được số tiền 736.000.000đ. Kết quả điều tra xác định ông T1 không bao che hoặc giúp đỡ gì liên quan đối với hành vi của Lăng Thị D nên không có căn cứ xem xét xử lý ông T1 với vai trò đồng phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lăng Thị D phạm tội: *"Tham ô tài sản"*.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lăng Thị D 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Lăng Thị D 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Cấm bị cáo Lăng Thị D đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2**. Về bồi thường thiệt hại:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự; buộc bị cáo bồi thường cho UBND xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên số tiền 654.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO, loại máy cảm

ứng, vỏ màu xanh đen, màn hình bị vỡ, hở màn hình, số IMEI 1: 864415058120978, được niêm phong trong phong bì ký hiệu C, có chữ ký của Lăng Thị D.

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 39 ngày 04/12/2023).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí: Buộc bị cáo Lăng Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 30.180.000 đồng án phí dân sự.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo
- NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuân